TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14/6/2019
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Nam và bà Nguyễn Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P *tham gia phiên toà:* Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXX/HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1996; HKTT: Thôn T, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987; HKTT: Thôn T, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; Hiện đang thụ hình tại Đội 32, Phân trại 6, Trại giam Thanh Lâm (Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày như sau:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn ngày 15/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn T, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị phát hiện anh L chơi

bời, nghiện ma túy, không chăm lo cuộc sống gia đình. Thậm chí anh L còn thường xuyên đánh đập chửi bới chị không có lý do. Đến cuối năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, chị đã về nhà mẹ đẻ tại huyện K tỉnh N sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ gì. Khoảng tháng 4/2018 chị nghe tin anh L vi phạm pháp luật, bị tuyên án phạt tù và đang thụ hình tại đội 32, phân trại 6, Trại giam Thanh Lâm nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu nên chị làm đơn đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Chí D sinh ngày 8/8/2014 và Nguyễn Thị Ngọc T1 sinh ngày 11/8/2015 hiện các cháu đang ở cùng với tôi. Ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng chị không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày như sau:

Anh xác nhận điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị H trình bày. Anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng vốn đã có mâu thuẫn nhưng đến cuối năm 2017 thì trở nên trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng khiến chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ gì. Nay chị H có đơn ly hôn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh là đồng ý ly hôn chị H.

Anh L cũng xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Chí D sinh ngày 8/8/2014 và Nguyễn Thị Ngọc T1 sinh ngày 11/8/2015, ly hôn anh đồng ý chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và đề nghị tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng anh không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

UBND xã V nơi cư trú của các đương sự có quan điểm: Mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, hôn nhân tồn tại chỉ còn là hình thức nên việc giải quyết cho ly hôn là để giải phóng cho cả hai bên; do anh L đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù, không có điều kiện chăm sóc con chung nên đề

nghị giao cả hai con chung là Nguyễn Chí D và Nguyễn Thị Ngọc T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời tạm miễn việc góp phí tổn nuôi con cho anh L.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đây đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghi Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; Giao cả hai con chung là Nguyễn Chí D sinh ngày 8/8/2014 và Nguyễn Thị Ngọc T1 sinh ngày 11/8/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Linh đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật; Về tán ản chung và công nợ không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nơi cư trú của bị đơn trên địa bàn huyện P, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Tháng 5/2014 chị Lê Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn L là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm và không hòa hợp tính cách. Do mâu thuẫn trầm trọng cuối năm 2017 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tỉnh N và sống ly thân với anh L cho đến nay. Tháng 4/2018 anh L bị bắt đi thụ hình tại trại giam Thanh Lâm về tội "Trộm cắp tài sản", tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên xa cách và khó có cơ hàn gắn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, cả hai phí đều có chung nhận thức tình cảm đã từ lâu không còn tồn tại và đồng ý ly hôn nhau…nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H để giải phóng cgo cả hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Chí D sinh ngày 8/8/2014 và Nguyễn thị Ngọc T sinh ngày 11/8/2015. Ly hôn chị H đề nghị được trự tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh L đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm, không có điều kiện chăm sóc, cấp dưỡng vn chung nên giao cả hai con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, giáo dục là hợp lệ.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 288, Điều 271,Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung của chị H, anh L là Nguyễn Chí D sinh ngày 8/8/2014 và Nguyễn Thị Ngọc Trâm sinh ngày 11/8/2015 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm miễn cho anh L việc cấp dưỡng nuôi con đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Anh L được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005318 ngày 28/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm , báo chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án tromg thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội;*
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THA huyện P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Phong